

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

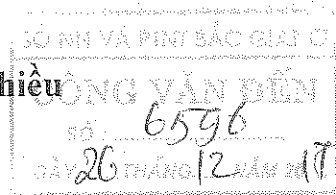
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2153 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 25 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Phát triển sản phẩm vải thiều
hướng tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia”



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BKHHCN ngày 29/3/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 72/TTr-KHHCN ngày 13/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển sản phẩm vải thiều hướng tới đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia” với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung: Đến năm 2020 sản phẩm vải thiều cơ bản đạt tiêu chí sản phẩm Quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Về công nghệ:

- Xây dựng ít nhất 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất (giống, quy trình canh tác, dự báo thời tiết thông minh, tưới nước tự động...)

- Nghiên cứu, ứng dụng sản xuất phân bón chuyên dùng cho cây vải thiều nhằm tăng năng suất, chất lượng.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến để bảo quản vải thiều như: Công nghệ Juran (Israel), công nghệ CAS, TOMIN của Nhật Bản, màng bao gói khí quyển biến đổi (MAP)...

- Đến năm 2020, đạt 15.500ha vải thiều đạt tiêu chuẩn VietGAP; trong đó 100 - 120ha vải thiều đạt tiêu chuẩn GlobalGAP.

2.2. Về quy mô, giá trị:

- Duy trì diện tích cây vải khoảng 30.000 ha, trong đó vải sớm khoảng 20%. Sản lượng hàng năm đạt 150.000-200.000 tấn, đến năm 2020, giá trị sản xuất vải thiều toàn tỉnh tăng từ 10-15%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Về ứng dụng công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng giống vải, ứng dụng một số giống vải mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất hướng tới xuất khẩu; thay đổi cơ cấu giống vải, từng bước tăng tỷ lệ vải chín sớm để kéo dài thời gian thu hoạch và sản xuất vải an toàn.

- Ứng dụng quy trình sản xuất và giám sát sản xuất, sơ chế... theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP để nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển công nghệ chế biến tiên tiến, hiện đại; gắn sản xuất với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng.

- Ứng dụng trạm thời tiết thông minh iMetos, xây dựng phần mềm hỗ trợ điều hành sản xuất và truy xuất minh bạch theo thời gian thực cho vùng sản xuất vải thiều tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

- Ứng dụng công nghệ sinh học; tăng cường sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc, phân hữu cơ vi sinh.

- Xây dựng các mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong bảo quản, chế biến vải thiều, giảm tổn thất sau thu hoạch; ổn định chất lượng quả vải thiều.

- Đề xuất, đặt hàng với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Học viện Nông nghiệp Việt Nam hỗ trợ chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong sản xuất, chế biến vải thiều.

(Biểu chi tiết các nhiệm vụ dự kiến thực hiện tại Phụ lục 1 đính kèm)

2. Về tuyên truyền, tập huấn:

- Các cơ quan truyền thông, chính quyền, đoàn thể các cấp tăng cường việc tuyên truyền, nhận thức của người dân trong sản xuất an toàn gắn với bảo vệ môi trường; tuyên truyền, phổ biến tới các Hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng cũng như các hàng rào kỹ thuật và thương mại của thị trường nhập khẩu để tận dụng tối đa các ưu đãi hoặc kịp thời ứng phó khi có rào cản phát sinh.

- Tăng cường tuyên truyền quảng bá thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại để các doanh nghiệp thu mua, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm.

- Tập huấn, hướng dẫn các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP cho các hộ, nhóm hộ, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản an toàn.

- Triển khai thực hiện phổ biến các kiến thức về kỹ thuật canh tác, phòng trừ sâu bệnh, ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật đến người dân trồng vải qua điện thoại di động (theo Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh).

3. Về tổ chức sản xuất:

⇒ Quan tâm sản xuất theo quy hoạch, bảo đảm giữ được diện tích vải thiều. Hình thành các tổ đội, các hợp tác xã sản xuất vải thiều để áp dụng quy trình sản xuất đạt VietGAP, GlobalGAP.

- Tăng cường vai trò của các hiệp hội ngành hàng, hiệp hội sản xuất; phát triển kinh tế hộ, hỗ trợ các hộ sản xuất áp dụng khoa học công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất trên cơ sở triển khai có hiệu quả liên kết 4 nhà.

- Xây dựng các chuỗi sản xuất, tiêu thụ, phát triển mối liên kết giữa người sản xuất với các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm kịp thời, đồng thời đảm bảo quyền lợi giữa các bên.

4. Về xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm:

- Tiếp tục tập trung vào việc mở rộng hơn nữa các hoạt động về xúc tiến thương mại, đổi mới mô hình cũng như phương thức xúc tiến thương mại. Tăng tính chủ động và vai trò của doanh nghiệp trong việc xây dựng và phát triển thương hiệu. Đồng thời xúc tiến thương mại thông qua liên kết với các hệ thống phân phối và đầu mối tiêu thụ hàng hóa trong và ngoài nước tại một số quốc gia như Mỹ, Anh, Malaysia, Úc, Pháp, Singapore, Nhật bản, Hàn Quốc...

- Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư vào các lĩnh vực chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm cho người nông dân thông qua việc triển khai có hiệu quả các chính sách của Trung ương đã ban hành về liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

5. Về hỗ trợ:

5.1. Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất đạt tiêu chuẩn GlobalGAP :

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức (doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác).

b) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GlobalGAP có quy mô từ 05ha trở lên.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, Tổ hợp tác được cấp giấy chứng nhận GlobalGAP. Hỗ trợ một lần, mức hỗ trợ 15 triệu/giấy chứng nhận.

- Hỗ trợ một lần kinh phí để phân tích mẫu đất, nước...khi thực hiện áp dụng quy trình GlobalGAP. Hỗ trợ tối đa không quá 7.500.000 đồng/giấy chứng nhận.

- Hỗ trợ một lần kinh phí tư vấn, đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại cơ sở áp dụng quy trình GlobalGAP; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ cho các lớp đào tạo, tập huấn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/tổ chức.

- Hỗ trợ cấp Giấy chứng nhận sản phẩm GlobalGAP: Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn GlobalGAP. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng/tổ chức.

Ngoài các nội dung hỗ trợ nêu trên, các cơ sở còn được hưởng chính sách hỗ trợ khác theo các quy định hiện hành nhưng không được trùng lặp nội dung hỗ trợ.

5.2. Hỗ trợ công nghệ bảo quản sau thu hoạch:

a) Điều kiện hỗ trợ:

- Tổ chức đầu tư công nghệ bảo quản tiên tiến so với khu vực ASEAN bảo quản vải thiều đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang Mỹ, EU.

- Công nghệ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

b) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần 30% kinh phí mua dây truyền, thiết bị bảo quản vải thiều, nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng cho 01 tổ chức.

- Hỗ trợ 100% kinh phí chuyển giao công nghệ.

5.3. Hỗ trợ thiết kế mẫu mã, bao bì, in ấn bao bì:

- Hỗ trợ một lần thiết kế mẫu mã, bao bì; in ấn bao bì đối với sản phẩm vải thiều Lục Ngạn cho doanh nghiệp, HTX:

+ Thiết kế mẫu mã, bao bì: 25.000.000 đồng.

+ In ấn bao bì: 300.000.000 đồng.

- Hỗ trợ một lần thiết kế mẫu mã, bao bì; in ấn bao bì đối với sản phẩm vải sớm Phúc Hòa cho HTX dịch vụ nông nghiệp Phúc Hòa:

+ Thiết kế mẫu mã, bao bì: 25.000.000 đồng.

+ In ấn bao bì: 200.000.000 đồng.

5.4. Hỗ trợ công tác xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm:

Tổ chức xúc tiến thương mại tại nước ngoài đối với sản phẩm vải thiều tập trung vào thị trường Trung Quốc theo Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh.

6. Giải pháp về nguồn vốn:

- Bên cạnh nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, cần tranh thủ nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án của Trung ương cũng như huy động nguồn vốn của doanh nghiệp, nguồn vốn tự có trong dân.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: Tập trung đầu tư vào các lĩnh vực như: Hỗ trợ đầu tư sản xuất; hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật bảo quản sau thu hoạch và chế biến; hỗ trợ nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Nguồn vốn ngoài ngân sách: Chủ yếu tập trung (kết hợp với nguồn vốn của nhà nước và các tổ chức, các doanh nghiệp) đầu tư xây kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất; đổi ứng mở rộng sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm.

III. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN:

1. Hiệu quả kinh tế:

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ bảo quản, nâng cao năng suất, chất lượng nhằm sản xuất ổn định, lâu dài từng bước đạt tiêu chí sản phẩm quốc gia.

- Đến năm 2020, UBND tỉnh đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung sản phẩm vải thiều vào danh mục sản phẩm quốc gia. Sau khi được vào danh mục sản phẩm quốc gia sẽ được bổ sung nhiều nguồn lực của các cơ quan Trung ương để phát triển sản phẩm này.

- Sau khi Đề án kết thúc, giá trị sản xuất từ vải thiều toàn tỉnh tăng từ 10-15%; doanh thu từ hoạt động phụ trợ tăng 10-15%.

2. Hiệu quả xã hội:

- Nâng cao nhận thức của người sản xuất sản phẩm an toàn theo quy trình tiên tiến.

- Tạo việc làm ổn định cho hàng nghìn lao động, góp phần tích cực vào thực hiện thành công Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3. Hiệu quả môi trường:

Phát triển sản xuất vải thiều an toàn qua đó góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tạo một nền nông nghiệp sạch, an toàn, có lợi cho sức khỏe con người và môi trường sinh thái.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì thực hiện Đề án; phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án; tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện các Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Chương trình phát triển công nghệ cao, Chương trình Nông thôn miền núi giai đoạn 2016-2020, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 để nâng cao nguồn lực đầu tư phát triển sản phẩm trong Đề án của tỉnh; tham mưu sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Đề án.

Phối hợp với các ngành, các địa phương có liên quan kiểm tra, giám sát nhằm duy trì và giữ vững thương hiệu đã được bảo hộ cho sản phẩm vải thiều; giải quyết các tranh chấp, xử lý các vi phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân về thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại ở các thị trường nhập khẩu.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ cho các tổ chức cá nhân được cấp chứng nhận GlobalGAP thuộc phạm vi của Đề án.

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Tân Yên mở rộng diện tích vải thiều theo tiêu chuẩn GlobalGAP. Lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực để thực hiện quy trình đánh giá và cấp chứng nhận GlobalGAP. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tập huấn, hướng dẫn cho người dân tham gia sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn GlobalGAP.

Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGAP, VietGAP.

3. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành triển khai thực hiện quảng bá, xúc tiến thương mại, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ vải thiều trên địa bàn tỉnh, đặc biệt đối với các thị trường: Trung Quốc, Mỹ, EU, Anh, Malaysia...

Cân đối, bố trí nguồn vốn hỗ trợ từ quỹ khuyến công để khuyến khích các cơ sở sản xuất đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa các khâu trong quá trình sản xuất.

4. Sở Tài chính:

Căn cứ vào nội dung hỗ trợ và tiến độ thực hiện đề án cũng như khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tham mưu bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh cho Đề án; hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ, thanh, quyết toán theo đúng các quy định tài chính hiện hành.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp tham mưu cơ chế chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư chế biến sản phẩm trong Đề án.

6. Các cơ quan truyền thông (Đài PT-TH tỉnh, Báo Bắc Giang):

Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng các chương trình, chuyên đề sát thực để tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm triển khai các nội dung, nhiệm vụ của đề án hiệu quả nhất.

7. UBND huyện, thành phố:

Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án trên địa bàn; tổ chức thông tin, tuyên truyền Đề án; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt các nội dung của đề án; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề án; cân đối nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến sản phẩm trong đề án trên địa bàn.

(Biểu chi tiết phân công nhiệm vụ tại Phụ lục 2 đính kèm)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án dự kiến khoảng: 14.090.000.000 đồng (Mười bốn tỷ, không trăm chín mươi triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh và kinh phí lồng ghép các chương trình, đề án khác: 6.090.000.000 đồng (Sáu tỷ, không trăm chín mươi triệu đồng), chiếm 43,22%;
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp, HTX và người dân tham gia: 8.000.000.000 đồng (Tám tỷ đồng), chiếm 56,78%.

(Biểu chi tiết các nội dung kinh phí và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục 3 đính kèm)

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Kho bạc nhà nước tỉnh, UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

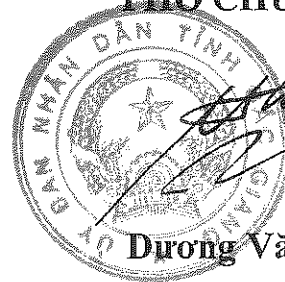
Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, Nam.CN (2).

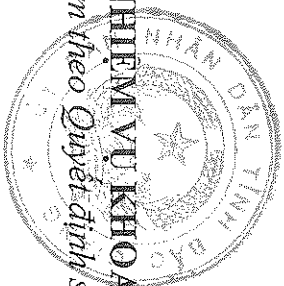
Bản điện tử:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TH, KT, NN, TPCNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thái



CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DỰ KIẾN THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2018-2020
(Kèm theo Quyết định số 2153 /QĐ-UBND ngày 25 /12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

Phụ lục 1

STT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Nghiên cứu về giống vải thiều và sản xuất phân bón chuyên dùng cho cây vải thiều nhằm nâng cao chất lượng, giá trị phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.	2018-2020
2	Nghiên cứu, xây dựng mô hình canh tác tiên tiến bằng công nghệ tưới nhỏ giọt Israel trong sản xuất vải thiều tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.	2018-2020
3	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ iMetos trong cảnh báo, dự báo thời tiết thiên tai, sâu bệnh qua điện thoại di động nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp tỉnh Bắc Giang.	2018-2020



NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2018-2020
(Kèm theo Quyết định số 453 /QĐ-UBND ngày 25 /12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

Phụ lục 2

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả	Kinh phí ngân sách hỗ trợ
1	Hỗ trợ các HTX, tổ hợp tác được cấp giấy chứng nhận GlobalGAP.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện	2017-2020	24 giấy chứng nhận	2.940
2	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch đối với vải thiều	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	2017-2020	01 dây truyền, thiết bị	2.000
3	Hỗ trợ thiết kế mẫu mã, bao bì, in ấn bao bì... vải thiều Lục Ngạn, vải sớm Phúc Hòa, huyện Tân Yên.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở NN&PTNT, UBND huyện Lục Ngạn, Tân Yên	2017-2018	- 02 Mẫu bao bì, - In ấn bao bì	550
4	Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền, quảng bá ở nước ngoài: Trung Quốc, Anh, Mỹ, EU, Malaysia, Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc...	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ, Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh	2017-2020	Tin, bài, tờ rơi	600

NHU CẦU KINH PHÍ CỦA ĐỀ ÁN VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN TỪNG NĂM (GIAI ĐOẠN 2018-2020)
(Kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 25/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)



Phụ lục 3

STT	Nội dung	Tổng kinh phí thực hiện đề án		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Tổng kinh phí (Tr.đồng)	Trong đó: NS tỉnh hỗ trợ (Tr.đồng)	NS tỉnh hỗ trợ (Tr.đ)	KP đối ứng (Tr.đ)	NS tỉnh hỗ trợ (Tr.đ)	KP đối ứng (Tr.đ)	NS tỉnh hỗ trợ (Tr.đ)	KP đối ứng (Tr.đ)
1	Hỗ trợ các HTX, tổ hợp tác được cấp giấy chứng nhận GlobalGAP	2.940	2.940	980	-	980	-	980	-
a	Hỗ trợ các HTX, Tổ hợp tác được cấp giấy chứng nhận GlobalGAP (24 giấy chứng nhận = 120ha)	360	360	120	-	120	-	120	-
b	Phân tích mẫu đất, nước, mẫu không khí (7.500.000/ giấy chứng nhận)	180	180	60	-	60	-	60	-
c	Kinh phí tư vấn, đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại cơ sở áp dụng quy trình GlobalGAP; biên soạn, in tài liệu, biểu mẫu (50.000.000 đồng/ giấy chứng nhận)	1.200	1.200	400	-	400	-	400	-
d	Các thủ tục đánh giá cấp Giấy chứng nhận sản phẩm GlobalGAP (50.000.000đồng/ giấy chứng nhận)	1.200	1.200	400	-	400	-	400	-
2	Hỗ trợ công nghệ bảo quản	10.000	2.000	-	-	-	-	2.000	8.000
3	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, bao bì	1.150	1.150	750	-	200	-	200	-
a	Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền, quảng bá ở nước ngoài...	600	600	200	-	200	-	200	-
b	Thiết kế bao bì vải thiều Lục Ngạn, vải sôm Phúc Hòa	50	50	50	-	-	-	-	-
c	In ấn bao bì vải thiều Lục Ngạn	300	300	300	-	-	-	-	-
d	In ấn bao bì vải sôm Phúc Hòa	200	200	200	-	-	-	-	-
	Tổng cộng 1+2+3	14.090	6.090	1.730	-	1.180	-	3.180	8.000

